

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1260/GDĐT
V/v Báo cáo nhu cầu kinh phí giảm
học phí theo Nghị Quyết số
25/2018/NQ-HĐND.

Cần Giờ, ngày 08 tháng 8 năm 2019.

Kính gửi: - Hiệu trưởng các trường Mầm Non (công lập), Trung học
cơ sở

Căn cứ Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc nhà trẻ, trung học cơ sở và bổ túc trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 2643/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chính sách giảm học phí theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND.

Để kịp thời có số liệu tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cần Giờ để tổng hợp nhu cầu cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chính sách giảm học phí theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non (công lập), Trung học cơ sở báo cáo nhanh nhu cầu kinh phí để thực hiện chính sách giảm học phí theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND (thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 05/2019), theo các mẫu đính kèm sau:

- Công văn đề nghị cấp kinh phí bổ sung giảm học phí theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND (file văn bản)

- Dự toán thu chi nguồn học phí từ tháng 01/2019 đến 05 năm 2019 (mẫu đính kèm).

* **Lưu ý:** Báo số liệu học sinh thu thực tế tại đơn vị. Những học sinh thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo không được tính vào.

1. Hình thức gửi:

- Gửi bằng văn bản: 1 bộ

2. Thời gian: chậm nhất vào ngày 13 tháng 08 năm 2019.

3. Nơi nhận: Bộ phận kế toán Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ (Bà Lê Thị Thanh Trúc)

Trong quá trình thực hiện nếu các đơn vị có gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ trực tiếp bộ phận kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn thêm. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non và Trung học cơ sở nghiêm túc thực hiện đúng thời gian quy định. Mọi chậm trễ đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu : VT, TV./.



DỰ TOÁN THU, CHI HỌC PHÍ TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 05 NSNN NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Số học sinh	Mức thu	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
I	Thu sự nghiệp (*)	0	0	0	0	
1	Thu hoạt động dịch vụ	0	0	0	0	
	- Nguồn học phí công lập (Mầm non mức thu 140.000 đồng/ tháng và THCS mức thu 85.000 đồng/ tháng)				0	
II	Chi thường xuyên từ nguồn học phí				0	
1.0	Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao				0	
1.1	Chi cho con người				0	
6000	Lương				0	
6001	Biên chế					
6002	Tập sự					
6003	Hợp đồng					
6050	Tiền công				0	
6051	Lương NĐ 68					
6051	PC chức vụ					
6051	PC khu vực					
6051	PC trách nhiệm					
6051	PC vượt khung					
6051	BHXH: 17.5%				0	
6051	BHYT: 3%				0	
6051	KPCĐ: 2%				0	
6051	BHTN: 1%				0	
6100	Phụ cấp lương				0	
6101	PC chức vụ					
6102	PC khu vực					
6105	PC thêm giờ					
6107	PC độc hại, nguy hiểm					
6113	PC trách nhiệm					

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Số học sinh	Mức thu	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
6116	PC đặc biệt khác của ngành					
6115	PCTN vượt khung					
6125	Bồi dưỡng giáo viên thể dục					
6200	Tiền thưởng				0	
6201	LĐ tiên tiến					
6250	Phúc lợi tập thể				0	
6299	Trợ cấp GV từ nơi khác đến công tác tại xã Thạnh An					
6300	Các khoản đóng góp				0	
6301	BHXH: 17.5%				0	
6302	BHYT: 3%				0	
6303	KPCĐ: 2%				0	
6304	BHTN: 1%				0	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				0	
6404	Chi tăng thu nhập					
6449	Trợ cấp ngành					
6449	Trợ cấp địa phương					
1.2	Chi hoạt động (chi tiết tiểu mục giống mục 1.1.1)				0	
6500	Dịch vụ công cộng					
6550	Vật tư văn phòng					
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc					
6700	Công tác phí					
6750	Chi phí thuê mướn					
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn					
7750	Chi khác					
1.3	Chi MS, SC TSCĐ (chi tiết tiểu mục giống mục 1.1.1)				0	
6900	SC, chuyên tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn					
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn					
7050	Mua sắm TS vô hình					
III	Thu sự nghiệp (*)	0	0	0	0	
1	Thu hoạt động dịch vụ	0	0	0	0	

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Số học sinh	Mức thu	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
	- Nguồn học phí công lập (Mâm non mức thu 120.000 đồng/ tháng và THCS mức thu 30.000 đồng/ tháng)				0	
IV	Chênh lệch mức thu (I-III)	0	0	0	0	

** Lưu ý: chỉ báo những học sinh thu tại đơn vị, không báo những học sinh thuộc diện chính ách, hộ nghèo, hộ cận nghèo*

....., ngày tháng năm 2019

Kế toán
(Ký tên, ghi họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên)

